

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/DS-ST

Ngày: 29-3-2023

V/v “Tranh chấp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Đặng Thị Ngọc Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Nhân

2. Bà Nguyễn Thị Phương Nga

- Thư ký phiên tòa: bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G – B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: bà Huỳnh Thị Duyên Em - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 402/2022/TLST–DS ngày 29 tháng 12 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hui*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐXXST - DS ngày 22 tháng 02 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2023/QĐST - DS ngày 10 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự

1. *Nguyên đơn:* chị Bùi Thị Ngọc H, sinh năm 1992; địa chỉ: số 430, ấp K, xã B, huyện G, tỉnh B (có mặt).

2. *Bị đơn:* chị Văn Thị Phong L, sinh năm 1989; địa chỉ: số 66, ấp K, xã B, huyện G, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/11/2022, trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Bùi Thị Ngọc H trình bày:

Từ năm 2019 – 2021, chị tham gia 05 dây hui do chị L làm chủ hui. Gồm:

- Dây hui tháng 500.000 đồng mở ngày 15/12/2019, có 27 phần, ngày mãn hui là ngày 15/3/2022, chị tham gia 02 phần và góp được 26 lần/phần với tổng số là 22.000.000 đồng.

- Dây hụi tháng 1.000.000 đồng mở ngày 15/12/2019, có 27 phần, ngày mãn hụi là ngày 15/3/2022, chị tham gia 01 phần và góp được 26 lần với tổng số tiền là 22.000.000 đồng.

- Dây hụi tháng 2.000.000 đồng mở ngày 18/8/2020, có 19 phần, ngày mãn hụi là ngày 18/3/2022, chị tham gia 01 phần và góp được 18 lần với tổng số tiền là 32.000.000 đồng.

- Dây hụi tháng 1.000.000 đồng mở ngày 05/6/2021, có 27 phần, chị tham gia 01 phần và góp được 11 lần (đến ngày 05/5/2022) với số tiền là 9.500.000 đồng.

- Dây hụi tháng 1.000.000 đồng mở ngày 13/12/2021, có 27 phần, chị tham gia 01 phần và góp được 6 lần (đến ngày 13/5/2022) với số tiền là 4.500.000 đồng.

Tuy các dây hụi trên khi chị tham gia, hai bên chỉ giao kết bằng lời nói nhưng chị L có giao cho chị bản phô tô danh sách các hụi viên. Đến tháng 3/2022, các dây mở ngày 15/12/2019, 18/8/2020 mãn. Mặc dù chị nhiều lần yêu cầu được lĩnh hụi nhưng chị L vẫn không thực hiện nghĩa vụ giao tiền hụi cho chị như đã thỏa thuận. Đến ngày 20/4/2022, theo yêu cầu của chị, chị L lập giấy tay chốt tổng số tiền mà chị được lĩnh cho 04 phần hụi đã mãn là 86.000.000 đồng và cam kết hàng tuần sẽ trả số tiền là 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên sau đó, chị L vẫn không thực hiện đúng. Đến tháng 5/2022, chị L ngừng tất cả các dây hụi sống (chưa mãn) còn lại nên hai bên phát sinh tranh chấp cho đến nay.

Do hai bên không thể thương lượng được nên chị yêu cầu chị L có nghĩa vụ trả lại tổng số tiền đối với 03 dây hụi (04 phần hụi) đã mãn là 86.000.000 đồng. Riêng hai dây hụi (01 phần/dây) chưa mãn mở vào các ngày 05/6/2021, 13/12/2021, chị rút lại yêu cầu, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn chị Văn Thị Phong L vắng mặt không lý do và không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu của chị Bùi Thị Ngọc H.

Tại phiên tòa:

Chị Bùi Thị Ngọc H giữ nguyên trình bày, yêu cầu.

Chị Văn Thị Phong L vắng mặt không có lý do.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục:

Sau khi nhận đơn khởi kiện; các tài liệu chứng cứ kèm theo và xem xét có đủ điều kiện thụ lý; Tòa án đã tiến hành thủ tục thụ lý vụ án theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS) và các văn bản pháp luật có liên quan. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong giai đoạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại các điều 97, 204, 208, 209, 210, 211 BLTTDS. Do chị L vắng mặt nên Tòa án lập biên bản không hòa giải được. Các tài liệu, chứng cứ được thu thập đầy đủ làm cơ sở giải quyết đúng đắn vụ án. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định tại Điều 203 BLTTDS. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định tại các điều 239, 243, 247, 248, 249, 258, 260 BLTTDS và các văn

bản pháp luật có liên quan. Thư ký phiên tòa đã thực hiện các công việc chuẩn bị khai mạc phiên tòa và các nhiệm vụ, quyền hạn của mình đúng quy định tại Điều BLTTDS và các văn bản pháp luật có liên quan. Nguyên đơn đã tuân thủ và thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các điều 70, 71 BLTTDS và các văn bản pháp luật có liên quan. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ là không tuân thủ và không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các điều 70, 72 BLTTDS và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Về nội dung: căn cứ theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H. Buộc chị L trả cho chị H số tiền nợ hui là 86.000.000 đồng;

+ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị H về việc yêu cầu chị L trả tiền 02 dây hui khai (mở) ngày 05/6/2021 và ngày 13/12/2021, số tiền là 14.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị H yêu cầu chị L trả số tiền cho 04 phần hui đã mượn là 86.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy.

[1] Chị H cho rằng các dây hui mở vào các ngày 15/12/2019, 18/8/2020 mà chị tham gia góp hui với chị Huyện hiện đã mượn. Trong đó: dây hui tháng 500.000 đồng, có 27 phần, mở ngày 15/12/2019, chị tham gia 02 phần, tính đến ngày mượn hui là ngày 15/3/2022 chị đã góp được 26 lần/phần với số tiền là 22.000.000 đồng; dây hui tháng 1.000.000 đồng, có 27 phần, mở ngày 15/12/2019, chị tham gia 01 phần, tính đến ngày mượn hui là ngày 15/3/2022 chị đã góp được 26 lần với số tiền là 22.000.000 đồng; dây hui tháng 2.000.000 đồng, có 19 phần, mở ngày 18/8/2020, chị tham gia 01 phần, tính đến ngày mượn hui là ngày 18/3/2022 chị đã góp được 18 lần với số tiền là 32.000.000 đồng. Chị H yêu cầu chị L trả tổng số tiền là 86.000.000 đồng và cho rằng đối với ba dây hui này từ sau ngày 20/4/2022 đến nay, chị L đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết.

[2] Xét thấy 04 phần hui hiện tranh chấp thuộc 03 dây hui mở vào các ngày 15/12/2019, 18/8/2020. Mặc dù việc thỏa thuận góp hui giữa hai bên tại thời điểm giao kết chỉ được giao kết bằng lời nói nhưng sau đó hai bên có thống nhất lập văn bản chốt nợ vào ngày 20/4/2022. Theo nội dung văn bản chốt nợ, chị L xác nhận các dây hui trên là hui tháng, có lãi, hiện đã mượn và chị L còn nợ lại chị H tổng số tiền là 86.000.000 đồng. Trong đó: 02 phần hui 500.000 đồng còn nợ là 25.500.000 đồng, 01 phần hui 1.000.000 đồng còn nợ là 25.500.000 đồng và 01 phần hui 2.000.000 đồng còn nợ là 35.000.000 đồng; chị L cam kết hàng tuần sẽ trả dần cho chị H số tiền là 5.000.000 đồng đến khi hết nợ. Tuy nhiên sau đó, chị L đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Xét thấy trong quá trình tố tụng, chị L cố tình vắng mặt, không tham gia các phiên làm việc, hòa giải tại Tòa án, không

có ý kiến về văn bản chốt nợ trên cũng như không cung cấp chứng cứ chứng minh việc đã hoàn trả số tiền còn nợ cho chị H. Do đó, xét yêu cầu của chị H đối với số tiền 86.000.000 đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận chị H không yêu cầu chị L trả lãi.

[3] Đối với số tiền 14.000.000 đồng của hai dây hụi 1.000.000 mở vào các ngày 05/6/2021, 13/12/2021, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị H rút lại yêu cầu không yêu cầu giải quyết. Xét việc rút yêu cầu khởi kiện của chị H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này. Chị H có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết lại khi có nhu cầu.

[4] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí DS-ST có giá ngạch (86.000.000đ x 5%): do yêu cầu khởi kiện của chị H được chấp nhận nên chị L phải nộp số tiền là 4.300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 227, 228, 244 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Ngọc H.

Buộc chị Văn Thị Phong L có nghĩa vụ trả cho chị Bùi Thị Ngọc H số tiền 86.000.000đ (tám mươi sáu triệu đồng). Ghi nhận chị H không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Ngọc H đối với số tiền 14.000.000 đồng của hai dây hụi tháng 1.000.000 đồng mở vào các ngày 05/6/2021, 13/12/2021.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%:

Buộc chị Văn Thị Phong L phải nộp số tiền là 4.300.000đ (bốn triệu ba trăm nghìn đồng).

Chi Cục thi hành án dân sự huyện G hoàn lại cho chị Bùi Thị Ngọc H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000010 ngày 28 tháng 12 năm 2022.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện G;
- THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ngọc Duyên

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Duyên.